

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21- 01 -2022

“V/v xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Mai Khanh.

2. Ông Mai Xuân Thường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “TrA chấp Hôn nhân và Gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Khối 11, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Hiện trú tại: Xóm Đồng T, xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: A Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Khối 11, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang ở Đà Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và A Nguyễn Tuấn A quen biết nhau trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn A Nguyễn Tuấn A đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Sau đó tháng 4/2019 A Tuấn A về nước và làm thủ tục kết hôn với chị T. Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà chồng A Nguyễn Tuấn A tại khối 11, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống được khoảng 02 tháng thì A Tuấn A tiếp tục quay lại nước ngoài để tiếp tục làm việc (Đài Loan). Thời gian đầu khi A Nguyễn Tuấn A sang nước ngoài thì vợ chồng có thường xuyên liên lạc với nhau và gia đình. Đến khi chị Nguyễn Thị T sinh con đầu năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do A Tuấn A không tin tưởng chị T và vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay hai mẹ con chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị T để sinh sống, và giữa vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Theo chị Nguyễn Thị T thì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị T làm đơn xin được ly hôn với A Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/02/2020. Hiện tại cháu K đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, Chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc con chung cháu Nguyễn Tuấn K đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị T không yêu cầu A Nguyễn Tuấn A đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về phía bị đơn A Nguyễn Tuấn A: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản như: Đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Nguyễn Thị T; thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho A Nguyễn Tuấn A thông qua bà Thái Thị Xuân (mẹ đẻ của A Tuấn A), nhưng A Nguyễn Tuấn A vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì.

Bà Thái Thị Xuân là mẹ đẻ của bị đơn A Nguyễn Tuấn A có ý kiến (theo biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2021 tại Tòa án) như sau: Bà đã nhận được các văn bản, giấy tờ của Tòa án gửi cho Tuấn A. Bà đã thông báo và sao chụp lại các nội dung giấy tờ gửi cho con mình là A Nguyễn Tuấn A, giữa bà và A Tuấn A vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội, nhưng về địa chỉ cụ thể của Tuấn A ở nước ngoài như thế nào thì do công ty không ổn định địa điểm,

Tuấn A không cho bà địa chỉ nên bà không rõ địa chỉ của A Tuấn A ở nước ngoài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của A Nguyễn Tuấn A mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. A Nguyễn Tuấn A được mẹ đẻ là bà Thái Thị Xuân sao chụp các văn bản, giấy tờ của Tòa án về việc chị T xin ly hôn qua mạng xã hội Facebook và zalo. Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử hai lần nhưng A Tuấn A không có ý kiến và không cung cấp địa chỉ, vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T và A Nguyễn Tuấn A được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/02/2020 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho A Nguyễn Tuấn A cho đến khi có yêu cầu. A Nguyễn Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; A Nguyễn Tuấn A có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của A Nguyễn Tuấn A mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Qua xác minh tại mẹ đẻ A Tuấn A là bà Thái

Thị Xuân thì bà Xuân cho biết vẫn có liên hệ với A Tuấn A qua mạng xã hội Facebook và zalo. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của họ cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và A Nguyễn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà chồng A Nguyễn Tuấn A tại khối 11, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống được khoảng 02 tháng thì A Tuấn A đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng có thường xuyên liên lạc với nhau. Đến khi chị Nguyễn Thị T sinh con đầu năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do A Tuấn A không tin tưởng chị T, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay hai mẹ con chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị T để ở, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ. Nay chị Nguyễn Thị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Nguyễn Tuấn A tại Tòa án. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và A Nguyễn Tuấn A đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị T và A Nguyễn Tuấn A được ly hôn.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/02/2020. Hiện tại cháu K đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con là hoàn toàn chính đáng, A Nguyễn Tuấn A đang ở nước ngoài.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với A Nguyễn Tuấn A thì chị T không yêu cầu. Chị T không đề nghị Tòa án xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Cháu Nguyễn Tuấn K đang còn nhỏ dưới 36 tháng, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K nên cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. A Nguyễn Tuấn A có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị T không yêu cầu A Nguyễn Tuấn A phải đóng góp cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử miễn xét, chị Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện khi có đơn yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. A Nguyễn Tuấn A có quyền khởi kiện khi có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn A Nguyễn Tuấn A.

- Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/02/2020 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho A Nguyễn Tuấn A cho đến khi có yêu cầu. A Nguyễn Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền trông nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. A Nguyễn Tuấn A có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn)

tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0011454 ngày 04/10/2021.

- Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

A Nguyễn Tuấn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND thị trấn Quỳnh Hợp;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Anh Sơn